

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Môn: Phần AIII,IV - Kinh tế chính trị về phương thức tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Ngày thi: 04/6/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7.25	Bảy phẩy hai năm	41	Hoàng Văn Khỏe	7.75	Bảy phẩy bảy năm
2	Đàm Thị Bằng	8.00	Tám	42	Bé Thị Kiều	8.00	Tám
3	Nông Thị Bé	7.50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	8.00	Tám
4	Nguyễn Thị Biển	7.00	Bảy	44	Lục Thị Thúy Lâm	7.50	Bảy phẩy năm
5	Nguyễn Đình Chinh	7.00	Bảy	45	Nông Minh Lệ	6.75	Sáu phẩy bảy năm
6	Bé Đặng Chính	8.25	Tám	46	Nông Thị Linh	6.75	Sáu phẩy bảy năm
7	Phan Mạnh Cường	6.50	Sáu phẩy năm	47	Hứa Thị Loan	6.50	Sáu phẩy năm
8	Hà Thị Diệp	8.25	Tám	48	Lý Thị Minh	7.25	Bảy phẩy hai năm
9	Nông Văn Đạt	7.50	Bảy phẩy năm	49	Hoàng Thị Minh	6.75	Sáu phẩy bảy năm
10	Bé Thị Diệp	6.75	Sáu phẩy bảy năm	50	Triệu Quang Mót	7.25	Bảy phẩy hai năm
11	Tô Văn Dự	7.25	Bảy phẩy hai năm	51	Vương Thị Na	8.25	Tám phẩy hai năm
12	Hoàng Văn Duẩn	7.00	Bảy	52	Nông Văn Nam	6.50	Sáu phẩy năm
13	Đàm Thị Dung	8.00	Tám	53	Hoàng Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	8.00	Tám	54	Đàm Thị Thanh Nga	7.50	Bảy phẩy năm
15	Phan Thị Duyên	7.25	Bảy phẩy hai năm	55	Đình Văn Nghĩa	6.00	Sáu
16	Lý Thị Duyên	7.00	Bảy	56	Nguyễn Thị Ngọc	6.00	Sáu
17	Nông Văn Giang	8.25	Tám	57	Đình Thị Nguyệt	8.00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7.25	Bảy phẩy hai năm	58	Lục Thị Nhung	8.00	Tám
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8.00	Tám	59	Đàm Thị Niêm	8.00	Tám
20	Lý Thị Hằng	8.00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7.50	Bảy phẩy năm
21	Lã Thị Hạnh	7.25	Bảy phẩy hai năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	7.25	Bảy phẩy hai năm
22	Đình Thị Hậu	8.25	Tám	62	Hoàng Thị Tầm	6.25	Sáu phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Ma Văn Hiến	7.25	Bảy phẩy hai năm	63	Đàm Hồng Tân	7.50	Bảy phẩy năm
24	Nguyễn Thị Hiệp	7.25	Bảy phẩy hai năm	64	Đàm Văn Thắng	7.25	Bảy phẩy hai năm
25	Lưu Diệu Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	65	Đinh Phương Thảo	6.75	Sáu phẩy bảy năm
26	Lương Thị Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	66	Mông Thị Thảo	8.25	Tám phẩy hai năm
27	Lục Thị Hoài	7.25	Bảy phẩy hai năm	67	Nông Bích Thu	7.25	Bảy phẩy hai năm
28	Nguyễn Thị Hoan	6.75	Sáu phẩy bảy năm	68	Triệu Minh Thủy	6.75	Sáu phẩy bảy năm
29	Hà Ngọc Hoàng	6.50	Sáu phẩy năm	69	Đàm Thị Thuyền	8.00	Tám
30	Hà Thị Hồng	8.00	Tám	70	Bé Thị Tiềm	8.00	Tám
31	Phạm Thị Huân	7.25	Bảy phẩy hai năm	71	Nông Thị Tiến	8.25	Tám phẩy hai năm
32	Nông Thị Huệ	7.25	Bảy phẩy hai năm	72	Đỗ Văn Tĩnh	6.75	Sáu phẩy bảy năm
33	Mông Thị Huệ	6.50	Sáu phẩy năm	73	Hoàng Thu Trang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	7.50	Bảy phẩy năm
35	Bé Thị Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	8.00	Tám
36	Đinh Thị Huệ	8.00	Tám	76	Bé Văn Tư	7.00	Bảy
37	Ma Thúy Hường	8.25	Tám	77	Đàm Thúy Tuyền	8.00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8.00	Tám	78	Mã Thị Út	8.00	Tám
39	Hoàng Thị Huyền	8.00	Tám	79	Ma Ngọc Vĩnh	8.25	Tám phẩy hai năm
40	Lục Thị Huyền	8.00	Tám	80	Đàm Thị Vui	8.00	Tám

Điểm 6.00: 02 điểm; Điểm 6.25: 01 điểm; Điểm 6.50: 05 điểm; Điểm 6.75: 08 điểm; Điểm 7.00: 05 điểm; Điểm 7.25: 15 điểm; Điểm 7.50: 12 điểm; Điểm 7.75: 02 điểm; Điểm 8.00: 21 điểm; Điểm 8.25: 09 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
K/T TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

DHlien

NongVDung



Hoang Viet Hung

Đoàn Thị Kim Liên

Nông Văn Dũng

Hoàng Việt Hưng